TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2025
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Đông;

+ Ông Nguyễn Văn Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 76/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mộng D, sinh năm: 1986; địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện V, tỉnh V. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: ông Lê Thành L, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/3/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng D trình bày:

Tôi và ông Lê Thành L kết hôn vào ngày 03/9/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Hôn nhân của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng cuối năm 2019 thì vợ chồng chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vả, hai bên gia đình nhắc nhở hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 07/2019 đến nay. Nay, tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Thành L.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung, tên là Lê Nguyễn Tuyết Như, sinh ngày 06/8/2008. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 23/4/2025, bị đơn ông Lê Thành L trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị Mộng D kết hôn vào năm 2008, đến nay hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay và có nguyện vọng ly hôn.

- *Về con chung*: chúng tôi có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Tuyết Nh; sinh ngày 06/8/2008. Tôi đồng ý giao con cho bà Nguyễn Thị Mộng D chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị Mộng D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, trách nhiệm nuôi con chung khi ly hôn với ông Lê Thành L. Ông Lê Thành L có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Q. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Thành L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Trong vụ án này, Toà án không tiến hành việc thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Mộng D và ông Lê Thành L kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Hôn nhân của hai người là hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà D, ông L thì thấy: Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Mộng D, trong quá trình chung sống vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả, không có tiếng nói chung. Hai người đã sống ly thân đến nay đã được 6 năm. Ông Lê Thành L cũng thống nhất với lời khai và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa

án đã tổ chức hòa giải nhưng bà D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án không thể tiến hành hoà giải để các bên đoàn tụ. Ông L cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà D. Điều này cho thấy, bà D, ông L đều không có mong muốn đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặc khác, hai người đã sống ly thân đến nay đã được 6 năm và không có liên lạc với nhau cũng đủ cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận mâu thuẫn giữa bà D và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Các bên đều có nguyện vọng mong muốn ly hôn. Xét thấy,việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mộng D và ông Lê Thành L.

[2.2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Mộng D và ông Lê Thành L có 01 con chung là Lê Nguyễn Tuyết Nh, sinh ngày 06/8/2008.

Nguyện vọng của bà D là được được nuôi dưỡng cháu Như đến tuổi trưởng thành, bà D không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà D và ông L sống ly thân đến nay, cháu Như sống với bà D; cháu Như có nguyện vọng được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn, ông L cũng thống nhất giao con chung cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận thoả thuận giữa các bên về việc giao cháu Nh cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị Mộng D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Mộng D, ông Lê Huỳnh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Mộng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng D về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Lê Thành L.

[1.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mộng D và ông Lê Thành L.

[1.2]. *Về con chung*: Giao cháu Lê Nguyễn Tuyết Nh; sinh ngày 06/8/2008 cho bà Nguyễn Thị Mộng D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà D không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[1.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Mộng D, ông Lê Thành L không yêu cầu giải quyết.

[2]. *Về án phí*:

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ tthẩm bà D đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001915, ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Bà Nguyễn Thị Mộng D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[3]. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Tam Kỳ;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS Tp.Tam Kỳ;
- UBND xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bích Ân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**